

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 05/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 4

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Bắt đầu từ hôm nay, chúng tôi sẽ giảng đề kinh và kinh văn của bộ kinh này. Hoàng Niệm lão nói với chúng ta, nếu muốn hiểu được kinh văn thì trước hết phải hiểu đề kinh. Cổ nhân nói: “Người trí xem đề kinh, liền biết toàn bộ nghĩa”. Đề kinh quan trọng biết bao, chúng ta nghĩ đến liền biết. Kinh Vô Lượng Thọ là do Hạ Liên lão hội tập từ năm bản dịch gốc mà thành. Sau Vương Nhật Hưu, Ngụy Thừa Quán, ngài là người kế tiếp hội tập kinh, lấy tên là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Bản này vừa hoàn thành, đại chúng liền tán thưởng, đồng đề cử là bản hoàn thiện của kinh Vô Lượng Thọ, trong và ngoài nước liền nổi lên “con sốt Đại kinh”, người đọc tụng, người diễn thuyết ồ ạt vũ bão, nhiều vô số kể. Vô lượng vô biên chúng sanh nhờ bộ kinh này mà được độ, ra khỏi lục đạo luân hồi, được vãng sanh Tây Phương Tịnh độ.

Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh có vô lượng nghĩa, ý nghĩa vô lượng, vô lượng kiếp lại vô lượng kiếp nói cũng không hết. Kinh là kinh có vô lượng nghĩa, vậy đề kinh thì sao? Đề kinh cũng là vô lượng nghĩa, đề kinh vô lượng nghĩa cũng là vô lượng kiếp lại vô lượng kiếp chẳng thể nói hết.

Còn nhớ lần phúc giảng thứ nhất, tôi đã giảng đề kinh khoảng 20 phút; phúc giảng lần thứ hai giảng đề kinh mất 3 tiếng. Giữa lần phúc giảng thứ nhất và thứ hai, tôi còn có “giảng tòa chuyên đề kinh Vô Lượng Thọ”, lần đó có một chuyên đề “đề kinh rất hay, hay không thể tả”, đã giảng 2 tiếng đồng hồ. Chúng ta hãy so sánh:

- Năm 2018, lần đầu phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, đã giảng đề kinh trong 20 phút.

- Năm 2019, “giảng tòa chuyên đề kinh Vô Lượng Thọ”, đã giảng đề kinh 2 tiếng.

- Năm 2020, phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai, đã giảng đề kinh 3 tiếng.

Vì sao xuất hiện tình trạng này? Nói theo lời của lão pháp sư thì gọi là “lần sau thù thắng hơn lần trước”. Lời này nói hết sức có lý, bản thân tôi cảm nhận sâu sắc rằng: theo dòng chảy thời gian, khi sự thâm nhập kinh tạng ngày một sâu hơn, khi bản thân trưởng thành và chín chắn hơn, khi cảnh giới tư duy không ngừng nâng cao thì lần giảng sau chắc chắn vượt hơn lần giảng trước. Tôi muốn nói về đặc điểm của đề kinh này, còn việc nhận thức và đánh giá của mọi người về đề kinh này ra sao thì tùy vào cái nhìn của người nhân, kẻ trí.

Đặc điểm thứ nhất: Đề kinh này là điển phạm của công tác hội tập

Xin chú ý, ở đây tôi dùng từ “điển phạm”. Thế nào gọi là “điển phạm”? Nói dễ hiểu một chút, chính là kiểu mẫu, hình mẫu, cũng gọi là “tiêu chí”, “quy tắc”, nói rõ hơn chính là tấm gương để mọi người học tập. Vì sao nói việc hội tập đề kinh này là điển phạm của công tác hội tập? Tôi dựa vào bốn phương diện để nói:

1. Cao nhân hội tập, không ai sánh bằng

Đề kinh này được hội tập, ai hội tập vậy? Là lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư là người thế nào? Ngài là vị đại đức cận đại hiếm có của Phật môn, là người truyền thừa Tịnh độ, là Phật Bồ-tát đại quyền thị hiện cứu khổ cứu nạn. Nếu không phải là người tái lai thì ai có thể hội tập được đề kinh hay không thể tả như thế?

2. Tôn trọng bản dịch gốc, đầy đủ chứng cứ

Việc hội tập đề kinh này không rời khỏi bản dịch gốc. Kinh Vô Lượng Thọ có 12 bản dịch, Hạ Liên lão đã chọn dùng hai bản dịch thời Tống và thời Hán, việc hội tập đề kinh này là căn cứ theo bản dịch gốc.

3. Hoàn mỹ không tì vết, tự nhiên mà thành

12 bản dịch, bản dịch thời Hán là sớm nhất, bản dịch thời Tống là sau cùng. Đề kinh của bản dịch thời Tống là “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh”, đề kinh của bản dịch thời Hán là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”. Hạ Liên lão chọn lấy biệt đề của bản dịch thời Tống “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm”, và chọn tiếp đề kinh của bản dịch thời Hán “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”, hợp hai cái này lại thì chính là “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng

Giác Kinh”. Hội tập đề kinh của hai bản dịch sớm nhất và sau cùng trong 12 bản dịch lại, hàm nghĩa đề kinh của 12 bản dịch đều được hàm nhiếp trong đó. Việc hội tập đề kinh này tuyệt diệu, hoàn mỹ không tì vết, tự nhiên mà thành, quả thực là nét bút xuất thần.

4. Y chánh trang nghiêm hiện hết trong đó

Lão pháp sư từng giảng 29 loại trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong đó chánh báo trang nghiêm có 12 loại, y báo trang nghiêm có 17 loại. Không biết các đồng tu còn nhớ 29 loại trang nghiêm này không? Hôm nay chúng ta ôn lại một chút về 29 loại y chánh trang nghiêm này.

a. 17 loại y báo trang nghiêm

1. Thanh tịnh trang nghiêm
2. Lượng trang nghiêm
3. Tánh trang nghiêm
4. Hình tướng trang nghiêm
5. Mọi sự trang nghiêm
6. Diệu sắc trang nghiêm
7. Xúc trang nghiêm
8. Ba loại trang nghiêm
9. Mưa trang nghiêm
10. Quang minh trang nghiêm
11. Diệu thanh trang nghiêm
12. Chủ trang nghiêm
13. Quyến thuộc trang nghiêm
14. Thọ dụng trang nghiêm
15. Không có các nạn trang nghiêm
16. Đại nghĩa môn trang nghiêm
17. Tất cả mong cầu như ý trang nghiêm

b. 12 loại chánh báo trang nghiêm, trong đó Phật trang nghiêm có 8 loại, Bồ-tát trang nghiêm có 4 loại

8 loại Phật trang nghiêm:

1. Tòa trang nghiêm công đức thành tựu - tòa trang nghiêm
2. Thân nghiệp trang nghiêm công đức thành tựu - thân nghiệp trang nghiêm

3. Khẩu nghiệp trang nghiêm công đức thành tựu - khẩu nghiệp trang nghiêm
4. Tâm nghiệp trang nghiêm công đức thành tựu - tâm nghiệp trang nghiêm
5. Đại chúng trang nghiêm công đức thành tựu - đại chúng trang nghiêm
6. Thượng thủ trang nghiêm công đức thành tựu - thượng thủ trang nghiêm
7. Chủ trang nghiêm công đức thành tựu - chủ trang nghiêm
8. Bất hư tác trụ trì trang nghiêm công đức thành tựu – bất hư tác trang nghiêm

4 loại trang nghiêm của Bồ-tát:

- Trang nghiêm thứ nhất: không rời bốn xứ, hóa thân đi khắp mười phương cúng dường.
- Trang nghiêm thứ hai: trong tất cả thời, nhất tâm nhất niệm có thể đến khắp mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, tạo mọi phương tiện, các hạnh tu hành để diệt trừ khổ cho tất cả chúng sanh. Trong một niệm tức thời đến khắp các Phật hội, lợi ích quần sanh.
- Trang nghiêm thứ ba: tất cả thế giới tán thán chư Phật.
- Trang nghiêm thứ tư: nói pháp ở nơi không có tam bảo.

Vì sao phải ôn lại 29 loại y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc? Chính là để mọi người nhận thức sâu hơn sự hay không thể tả của đề kinh. Hay ở chỗ nào? Hay ở chỗ 29 loại y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc đều được nêu rõ trong đề kinh không sót cái nào. Đề kinh cao diệu như thế chính là thể lệ chiêu sinh của thế giới Tây Phương Cực Lạc, quá hấp dẫn, một nơi tốt như vậy, ai mà không muốn đi chứ!

Đặc điểm thứ hai: Đề kinh này viên mãn rất ráo, diệu đế vô cùng.

Vì sao nói đề kinh này viên mãn rất ráo? Vì sao nói đề kinh này diệu đế vô cùng? Tôi dựa vào bốn phương diện sau mà nói:

1. Sở dĩ nói đề kinh này viên mãn là do nó không có tí vết, không có khiếm khuyết, có thể nói là hoàn mỹ không khiếm khuyết. Ngay cả những kẻ nghĩ trăm phương nghìn kế muốn moi vài chiếc xương từ quả trứng gà, đối với đề kinh nghiêm cần này cũng bất lực, chỉ đành thở dài tuyệt vọng. Sở dĩ nói đề kinh nghiêm cần là do Hạ Liên lão tuân giữ lời dạy xưa mà các tổ truyền lại “tin

tưởng và yêu thích lời người xưa, thuật lại mà không sáng tác”, hội tập của ngài chỉ hội tập những tinh hoa vốn có, không tự ý sáng tác cái mới. Ngài làm như vậy mới có thể ngăn chặn tận gốc phạm phu đời sau dùng kiến giải riêng của mình làm thành lời dạy của Thế Tôn hòng lừa bịp người đời.

2. Khế lý khế cơ, tâm sanh hoan hỷ. Các đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ, không biết các bạn có cảm nhận này hay không, một đứa con tha hương từ xa trở về, người mẹ đã mở sẵn cửa lớn, đợi con trẻ quay về. Khi chúng tôi đọc đến đề kinh này liền có cảm giác bước vào cửa nhà mình, có một cảm xúc thân thiết và vui mừng không sao nói rõ được. Vui mừng đó phát xuất từ niềm vui trong lòng, không niềm vui nào của thế gian này có thể sánh được.

3. Sở dĩ nói đề kinh này rất ráo là vì nó giúp chúng sanh ra khỏi mê lầm, tiến thẳng đến đường giác, một đời thành Phật. Những mê lầm đó là gì?

Mê lầm thứ nhất: bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ không phải là kinh.

Mê lầm thứ hai: bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ không phải là Phật nói.

Mê lầm thứ ba: kinh Vô Lượng Thọ không phải là kinh điển Đại thừa.

Mê lầm thứ tư: hội tập kinh điển không như pháp.

...

Đề kinh này đã giải quyết hết những vấn đề trên:

Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ là kinh.

Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ là kinh do Phật nói.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh điển Đại thừa, không phải là kinh điển Tiểu thừa.

Việc nói hội tập kinh điển không như pháp có thể gác lại. Về vấn đề này, pháp sư Hoàng Lâm đã giải đáp khá tường tận trong cuốn Huyền Trụ Vấn Đáp rồi. Ai đúng ai sai hãy để lịch sử chứng minh.

Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh giúp chúng sanh khổ nạn 9.000 năm mạng pháp một đời thành Phật, cho nên nói nó là “rất ráo”.

Sở dĩ nói đề kinh này “diệu đế vô cùng” là do đề kinh này đã tập hợp tất cả sự mỹ diệu, áo diệu, thắng diệu, tuyệt diệu vào một chỗ, xác thực không thể nghĩ bàn, nó nêu rõ đạo lý chân thực không hư dối, vĩnh hằng bất biến.

4. Người học Tịnh tông chúng ta quá có phước báo, những gì chúng ta học, chúng ta tu, chúng ta mong muốn chứng đắc là: vô lượng thọ, trang nghiêm, thanh tịnh, bình đẳng, giác đều ở trong đề kinh này, quả thật là nhìn qua liền thấy. Học Phật có khó không? Không khó. Thành Phật có khó không? Không khó. Tin chắc, nguyện thiết, dốc lòng làm, làm được những chữ này thì chúc mừng bạn, bạn thành Phật rồi. Cúng dường mọi người ba bài kệ tụng:

Kinh Vô Lượng Thọ là chân kinh
Bên trong đề kinh hay vô cùng
Đọc tụng đề kinh sanh hoan hỷ
Cửa vào nhà mình phải nhận ra.

Hạ lão không phải người tầm thường
Hóa thân độ thế chúng sanh khổ
Đề kinh hội tập thật là hay
Nét bút xuất thần quả cao minh.

Thánh nhân trồng cây, mình hưởng mát
Muôn phần chớ quên niệm Di-đà
Đời này không thể thoát sanh tử
Hoàn toàn tự trách bản thân ta.

Tiếp theo, chúng tôi bắt đầu giảng đề kinh: **Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh**. Giảng đề kinh này, tôi cũng muốn làm một thí nghiệm. Chính là trên nền tảng đọc và giải thích đề kinh, tôi thêm vào một nội dung, nội dung này chính là cảm ngộ học tập đề kinh này của tôi. Tôi nghĩ như vậy có lẽ sẽ thực tế hơn một chút, sẽ giúp chúng ta áp dụng những điều mình đã học.

Làm thí nghiệm này có thể thành công, cũng có thể thất bại. Thành công thì tổng kết kinh nghiệm, A-di-đà Phật; thất bại thì rút ra bài học, cũng A-di-đà Phật. Thành công cũng được, thất bại cũng được, thế nào cũng được.

Tiếp theo, tôi giảng đề kinh này trên hai phương diện: một là đọc và giải thích, hai là cảm ngộ.

Đọc và giải thích đề kinh

1. Phật

“Phật” là cách gọi ngắn của từ “Phật-đà” trong tiếng Phạn. Người giác ngộ là Phật. Giác có ba loại: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

A-la-hán chỉ là tự giác; Bồ-tát ngoài tự giác cần phải giác tha, thế nên Bồ-tát có hai giác là tự giác và giác tha; giác hạnh viên mãn là giác thứ ba, chỉ có Phật đầy đủ ba loại giác.

Ba loại giác này khác nhau ở chỗ nào? Nói cách khác, làm thế nào để nhận định và phân biệt? Tổ sư đại đức đã phân biệt như sau:

- Tự giác: ngộ đạt bản tánh chân thật thường trụ, hiểu rõ các hoặc đều là hư vọng. Đây là tự giác.
- Giác tha: dùng vô duyên đại từ bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh. Đây là giác tha.
- Giác hạnh viên mãn: thấu tột tận cùng bản tâm, hạnh tự giác giác tha viên mãn đầy đủ, quả hải tròn đầy tự nhiên thành tựu. Đây là giác hạnh viên mãn.

Thế nào là Phật? Phật khác chúng sanh ở chỗ nào?

Phật Địa Luận nói: đầy đủ tất cả trí tuệ, xa lìa tất cả chương ngại, có thể khai ngộ cho chính mình và tất cả hữu tình (khai ngộ tánh giác vốn có). “Giác” ví như tỉnh ra từ trong mộng, như hoa sen nở không nhờ sức bên ngoài, đây chính là Phật.

Đoạn trên là do Hoàng Niệm lão dịch thành văn bạch thoại mà nói ra, mục đích là để chúng ta nghe hiểu rõ, ngài từ bi biết bao!

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói như sau:

Một, bốn giác: chỉ cho tâm thanh tịnh trong tự tánh vốn có của hết thảy chúng sanh, cũng thường gọi là “Phật tánh” mà mỗi người sẵn có, cũng tức là pháp thân Phật.

Hai, thí giác: do nhân bên trong và duyên bên ngoài (tức là tác dụng của tâm thanh tịnh vốn có và kinh pháp Phật giáo) khiến chúng sanh từ trong vọng niệm dần dần xuất hiện tri giác tiến gần đến bốn giác (như nhàm chán khổ sanh tử, vui cầu niết-bàn).

Ba, cứu cánh giác: rộng rang đại ngộ, thấu suốt nguồn tâm, vốn dĩ bình đẳng, thí giác bốn giác không hai, pháp thân hiển lộ hoàn toàn, rốt ráo thành Phật. Đây gọi là “cứu cánh giác”.

Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ nào? Phật và chúng sanh chỉ là mê ngộ khác nhau, ở trong mê hoặc thì là chúng sanh, triệt để giác ngộ thì là Phật.

“Phật” trong đề kinh là chỉ cho ai?

Mười phương thế giới có vô lượng vô số Phật, vị Phật ở thế giới Ta-bà với tám tướng thành đạo thì chỉ có Thích-ca Mâu-ni Phật. Do đó, chỉ nói một chữ “Phật”, là chỉ cho bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta.

2. Thuyết

Từ “thuyết” có nghĩa là vui mừng. Vui và mừng, hai từ này đều có nghĩa vui thích, vui vẻ, vui tươi, hớn hởi. Nói vào lúc nào? Đương nhiên nói vào lúc tâm tình vui vẻ.

“Phật thuyết” chứng tỏ kinh Vô Lượng Thọ là do kim khẩu của Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên thuyết. Phật lấy việc độ chúng sanh làm bốn nguyện, Phật nhìn thấy cơ duyên của chúng sanh chín muồi, có thể nghe nhận diệu pháp chỉ dạy tu hành, thế nên ngài chân thành vui sướng, để thỏa mãn bốn hoài, chính kim khẩu ngài đã nói ra bộ Đại kinh này.

3. Đại thừa

“Đại thừa” là tỉ dụ, “thừa” chính là xe, là công cụ giao thông phổ biến nhất của Trung Quốc xưa. Ví dụ, nói theo hiện nay thì xe đạp là xe nhỏ, nó chỉ có thể giải quyết vấn đề của bản thân, ở đây ví cho pháp của Thanh văn thừa, gọi là pháp Tiểu thừa. Xe lửa nhiều toa chở được nhiều người, cũng chở được nhiều hàng hóa, lợi ích đạt được cũng nhiều, nói theo Phật pháp thì chính là giáo hóa nhiều chúng sanh. Đây ví cho pháp mà Bồ-tát tu hành, gọi là Bồ-tát thừa, cũng gọi là Đại thừa.

“Đại” trong “Đại thừa” có hai hàm nghĩa.

Một, chủ thể có sức chuyên chở lớn. Trong Thập Nhị Môn Luận nói: đây là sức chuyên chở của Như Lai và các đại Bồ-tát, do vậy gọi là “Đại thừa”. Như sức chuyên chở của các đại sĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn-thù Sư-lợi, Di-lặc v.v., cho nên gọi là “đại”. Như Lai và các đại Bồ-tát mới có thể chuyên chở, thế nên gọi là “Đại thừa”.

Hai, đối tượng dùng để chuyên chở lớn. Kinh Bảo Tích nói: “Đạo mà chư Phật Như Lai chánh chân chánh giác hành, thừa ấy gọi là Đại thừa”. Câu này có nghĩa là gì? Là nói với chúng ta: pháp mà mười phương Như Lai giáo hóa chúng sanh chính là đạo giác ngộ mà Phật Bồ-tát đích thân tu hành. Đây chính

là công cụ vận chuyển mà Phật Bồ-tát dùng để độ chúng sanh, công cụ được dùng rất to lớn, cho nên gọi là “Đại thừa”.

Ti dụ Đại thừa trong đề kinh có hai phương diện hàm nghĩa.

Đề kinh của kinh này nêu rõ: pháp Tịnh tông chính là đạo Bồ-tát độ sanh cứu thế vô thượng mà các bậc Đại sĩ đã tu, đã hành.

4. Vô Lượng Thọ

“Vô Lượng Thọ” chính là dịch nghĩa của danh hiệu “A-di-đà”. Cách đọc âm chính xác của “A-di-đà” trong tiếng Phạn là “Amitabha”, đây là thánh hiệu của giáo chủ cõi Cực Lạc mà kinh này nói đến. Thánh hiệu này bao gồm vô lượng mật nghĩa, có thể dịch thành “vô lượng thọ”, “vô lượng quang”, bản dịch thời Hán dịch thành “vô lượng thanh tịnh Phật”, “vô lượng giác”, “vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác”.

Tóm lại, công đức, trí tuệ, từ bi, phương tiện, y chánh trang nghiêm, công đức độ sanh v.v.. của đức Phật ấy, cái nào cũng đều vô lượng. Do vì giáo chủ cõi Cực Lạc nhiều kiếp siêng tu, có vô lượng diệu đức, cho nên sau khi thành Phật có vô lượng công đức, danh hiệu. Trong mỗi danh hiệu đều có vô lượng công đức, danh hiệu có thể chiêu lấy công đức, thế nên người trì danh dùng danh hiệu chiêu lấy công đức, liền chiêu lấy công đức của A-di-đà Phật, diệu dụng của trì danh chính là ở đây.

Giáo chủ cõi Cực Lạc có vô lượng danh hiệu, vì sao kinh này chỉ lấy “vô lượng thọ” làm tên kinh? Có thể giải thích trên bốn phương diện:

Một, vô lượng thọ đã hiển thị bản thể thường trụ của pháp thân Như Lai, quá khứ là như vậy, hiện tại là như vậy, tương lai cũng là như vậy. Quá hiện vị lai thường hằng như một, Phật giáo gọi là “ba đời như một”, đây là cảnh giới pháp thân.

Hai, bởi vì vô lượng thọ, nên công đức của đức Phật ấy trong dòng thời gian vô tận, chưa từng dừng lại hay gián đoạn một giây phút nào.

Ba, bởi vì vô lượng quang, nên trong không gian vô tận không có một nơi nhỏ bé nào không được Phật quang gia trì và nhiếp thọ.

Bốn, bởi vì vô lượng thọ là thể, nên hết thấy tướng dụng vi diệu thù thắng đều từ bản thể lưu hiện; nêu lên bản thể thì hết thấy diệu đức về mặt tướng dụng đều có ở bên trong.

Sách Chân Giải nói: ba loại y chánh trang nghiêm của cõi nước An Lạc gồm Phật, Bồ-tát và cõi nước đều vào một câu pháp, cho nên là vô lượng thọ. Bên trên là nguyên nhân vì sao kinh này có tên là “Vô Lượng Thọ”.

Theo sách Chân Giải thì nó có nguồn gốc từ Vãng Sanh Luận của Bồ-tát Thiên Thân. Phần sau “một câu pháp” trong Luận nói: “Một câu pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi”. Từ đây mà thấy, “vô lượng thọ” trong sách Chân Giải chính là “trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi” trong Vãng Sanh Luận. Trước đó đã chỉ ra, từ thể lưu hiện ra tướng dụng, Phật có ba thân, cũng là từ pháp thân mà lưu hiện ra báo thân và hóa thân.

Cho nên “vô lượng thọ” chính là pháp tánh và pháp thân của A-di-đà Phật. Đây là chỗ kỳ đặc nhất của Phật pháp, cũng chính là chỗ đại bình đẳng thực sự của Phật pháp. Hết thấy hàm linh sâu bọ, kiến gián đều có pháp thân Phật. Cho nên “vô lượng thọ” trong kinh vừa là giáo chủ A-di-đà Phật của thế giới Cực Lạc, vừa là pháp thân Phật mà tự thân mỗi loài chúng sanh vốn có (đây gọi là “Phật tự tánh”, kia gọi là “Phật bên ngoài”).

Trong Tịnh Tu Tiệp Yếu, Hạ Liên lão chỉ rõ: “Vô lượng quang thọ là bốn giác của ta, khởi tâm niệm Phật thì mới gọi là thi giác. Thi giác và bốn giác không rời nhau, hướng thẳng về đường giác”. Có nhiều người nhận xét sai lầm về Tịnh độ tông là “câu pháp ngoài tâm”, tiếc rằng họ không biết: vị Phật bên ngoài được niệm chính là Phật tự tánh của người niệm Phật.

5. Trang nghiêm

Hàm nghĩa của từ “trang nghiêm” có thể nói trên hai phương diện:

Một là vật chất trang nghiêm (còn gọi là “phục sức trang nghiêm”)

Trang nghiêm có nghĩa là: trang trọng, đoan nghiêm, trang trí và làm đẹp. Nêu ví dụ để nói, chúng ta xây điện thờ Phật thì không thể chỉ có căn phòng trống không và tượng Phật, như vậy không được xem là công trình hoàn thiện. Phải tiến hành thêm nhiều công đoạn nghệ thuật trên bảo tượng, trần nhà, tường v.v., còn phải treo tràng, phan, lọng, bày biện vật cúng, pháp khí v.v.. để trang nghiêm toàn bộ đạo tràng.

Hai là tâm địa trang nghiêm (còn gọi là “có đủ đức trang nghiêm”)

Vật chất trang nghiêm ắt không thể thiếu, song tâm địa trang nghiêm còn quan trọng hơn. Trong Phật giáo thường nói “vạn đức trang nghiêm”, phải dùng công đức và trí tuệ để trang nghiêm, đây chính là tâm địa trang nghiêm. Lúc A-

di-đà Phật tu nhân, ngài “trang nghiêm các hạnh, chuẩn mực đầy đủ”, dùng chuẩn mực của bản thân để trang nghiêm hành động của mình. Lại còn “trụ trí tuệ chân thật, nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ”. Điều này chính là nói với chúng ta, chỉ có an trụ vào trí tuệ chân thật thì mới có thể trang nghiêm diệu độ.

Các hạnh là nhân, diệu độ là quả.

Các hạnh là nhân, dùng cái gì để trang nghiêm nhân? Phải dùng chuẩn mực đầy đủ để trang nghiêm; diệu độ là quả, dùng cái gì để trang nghiêm quả? Dùng an trụ vào trí tuệ để trang nghiêm. Cho nên có thể nói rằng, diệu độ Cực Lạc là dùng trí tuệ để trang nghiêm.

Nhân đây có thể biết, ao suối, vàng ròng, bảy báu v.v.. trong nước Cực Lạc thực ra đều thuần túy là trí tuệ, đây là “vạn đức trang nghiêm” mà chúng ta thường nói, ở đây chứng tỏ hai từ “trang nghiêm” có hàm nghĩa của “có đủ đức”.

6. Thanh tịnh

Trong cuốn Thám Huyền Ký nói, ba nghiệp thân khẩu ý của con người hoàn toàn lìa khỏi hết thảy cấu nhiễm thì gọi là thanh tịnh.

Hoàng Niệm lão nêu ví dụ như sau: nước suối chảy ra từ trong núi, trong vắt có thể nhìn thấy đáy, thuần tịnh vô nhiễm; sông Hoàng Hà sóng cuộn đục ngầu, xen lẫn đủ thứ ô nhiễm. Dùng điều này để tỉ dụ cho ba nghiệp của con người, đã hoàn toàn lìa khỏi tất cả ác hạnh, phiền não và cấu nhiễm thì gọi là thanh tịnh.

Trong Đại Luận nói: nếu lúc hành bồ thí, tuy phát tâm vì tất cả chúng sanh, song không thể hiểu được “tam luân thể không”: tức trong không thấy có ta, ngoài không thấy có người, ở giữa không thấy có vật bồ thí; không thể hiểu được những việc này, xa lìa các phân biệt “có và không”, “một và khác” v.v.. chính là “đệ nhất nghĩa không”. Ngược lại chấp trước vào ba điều này thì gọi là “không thanh tịnh”.

Đoạn này Hoàng Niệm lão dùng văn bạch thoại để nói, giảng ngắn gọn, đúng trọng tâm.

Kinh Kim Cang nói “nên như vậy mà sanh tâm thanh tịnh”.

Kinh Vô Lượng Thọ bản dịch thời Hán xưng A-di-đà Phật là “vô lượng thanh tịnh Phật”.

Phẩm “ba bậc vãng sanh” trong kinh này nói: “Nếu có chúng sanh trụ pháp Đại thừa, dùng tâm thanh tịnh hướng về Phật Vô Lượng Thọ, cho đến mười niệm, nguyện sanh nước ấy... thì nhất định sanh về nước ấy.”

Nguyện thứ 18 trong bản dịch thời Hán nói: “Khi tôi thành Phật, nhân dân các cõi Phật nếu có người hành đạo Bồ-tát, thường nghĩ đến tôi với tâm tịnh khiết. Đến khi lâm chung, tôi cùng vô số tỷ-kheo bay đến nghênh đón, liền đứng trước mặt người ấy, lập tức sanh về nước tôi.”

“Tâm tịnh khiết” trong bản dịch thời Hán chính là “tâm thanh tịnh”.

“Dùng tâm thanh tịnh hướng về Phật Vô Lượng Thọ” trong kinh này chính là “nghĩ đến tôi với tâm tịnh khiết” trong bản dịch thời Hán, tâm mình, tâm Phật đều thanh tịnh như nhau. Cho nên thường nói: người muốn sanh Tịnh độ, trước phải tịnh tâm mình.

7. Bình đẳng giác

Bình đẳng là chỉ cho xa lìa khác biệt, “bình đẳng” đối lập với “khác biệt”.

Kinh Kim Cang nói “các pháp bình đẳng, không có cao thấp”.

Kinh Hoa Nghiêm nói “tâm-Phật-chúng sanh, ba thứ không khác biệt”.

Những cách nói này đều xác thực nêu rõ hàm nghĩa của bình đẳng.

Kinh Nhập Phật Cảnh Giới nói: Bồ-đề được gọi là bình đẳng, bình đẳng được gọi là chân như. Chân như là từ đồng nghĩa của Phật tánh, pháp thân, thật tướng. Một trong số thông hiệu của Phật là “Nhu Lai”, biểu thị “từ như mà có”.

Có thể thấy “chân như” là chỗ xuất thân thực sự của Phật. Cho nên biết bình đẳng có nghĩa là “vào pháp môn không hai”.

Có thể thấy bình đẳng cực kỳ quan trọng, nếu đối với tất cả sự vật đều không phân biệt, không có yêu ghét lấy bỏ, nhất loạt bình đẳng thì chính là Bồ-đề và chân như.

“Bình đẳng giác” có bốn hàm nghĩa:

Một, bình đẳng khiến tất cả chúng sanh khắp mọi nơi đều triệt để giác ngộ.

Hai, dùng diệu pháp bình đẳng để giác ngộ tất cả chúng sanh.

Ba, “bình đẳng giác” là chánh giác của Như Lai.

Bốn, “bình đẳng giác” chính là một trong những thánh hiệu của giáo chủ cõi Cực Lạc. Toàn bộ bốn hàm nghĩa trên đều ở trong đề kinh, “trang nghiêm, thanh tịnh, bình đẳng giác” là pháp được bao hàm trong đề kinh.

8. Kinh

Dịch là khế kinh, âm tiếng Phạn là “tu-đa-la”.

“Khế” có hai hàm nghĩa: một là khế lý, tức khế nhập lý thể thực tế; hai là khế cơ, tức khế hợp thời đại và trình độ của chúng sanh. Có thể nói rằng từ nay cho đến khi pháp diệt tận, bộ kinh này là đương cơ nhất.

“Kinh” có hai hàm nghĩa: một là thông đề, phàm những gì Phật nói đều gọi là kinh; hai là biệt đề, ví dụ “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” thì riêng bộ kinh này mới có, cho nên gọi là biệt đề.

Đề kinh của kinh Phật không lìa người, pháp, và tỉ dụ. Trong đề kinh của kinh này đều có đủ ba thứ.

“Phật” trong đề kinh là chỉ cho giáo chủ cõi Ta-bà: Thích-ca Mâu-ni Phật.

“Vô Lượng Thọ” trong đề kinh là chỉ cho giáo chủ cõi Cực Lạc: A-di-đà Phật.

Các ngài là người đạt đến quả vị trong hai cõi nước.

“Đại thừa” là tỉ dụ.

“Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” là biểu pháp.

Từ toàn bộ tên của kinh này mà nói, đạo sư của cõi này - Thích-ca Mâu-ni Phật nhìn thấy nhân duyên độ sanh chín mươi, nên tâm tình hết sức hân hoan, không ngần ngại nói ra bốn nguyện hải của giáo chủ cõi Cực Lạc – Phật Vô Lượng Thọ, cho đến pháp môn Tịnh độ phương tiện thù thắng, mang lại lợi ích cho muôn loài: khiến chúng sanh khắp mọi nơi tín nguyện trì danh, vạn đức trang nghiêm, nhất tâm thanh tịnh, bình đẳng phổ độ, đồng lên bờ giác.

Từ phương diện chúng sanh mà nói, Phật Vô Lượng Thọ là bốn giác của ta, tâm ta là Phật, nay lại niệm Phật; danh hiệu có đủ vạn đức, trang nghiêm tự tâm; tịnh niệm tiếp nối, xa lìa vọng chấp; vọng tiêu chân hiện, ngay lúc đó chính là “bình đẳng giác”. Nhân đây có thể thấy, đề kinh này đã hàm nhiếp nghĩa lớn của toàn kinh. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.